

Số: *519* /QĐ - KT1

Hà Nội, ngày *28* tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2016 của Trung tâm kỹ thuật
tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2016 của Vụ Kế hoạch tài chính;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2016 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng Phòng Kế hoạch tài chính và các đơn vị liên quan thuộc Trung tâm kỹ thuật 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Kho bạc NN Cầu Giấy;
- Lưu: VT, TC. *u*



GIÁM ĐỐC

Kim Đức Thụ

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KT1 ngày / 03 /2018)

Dvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các Quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	119.544	119.544			
1	Số thu phí, lệ phí	15.139	15.139			
1.1	Lệ phí cấp giấy xác nhận kiểm tra ATTPNK	1.469	1.469			
1.2	Phí KTNN TPNK	13.670	13.670			
1,3	Phí thử nghiệm					
2	Thu hoạt động sx, cung ứng dịch vụ	104.349	104.349			
3	Thu sự nghiệp khác	56	56			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	91.380	91.380	27.000	2.100	32.506
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12.235	12.235	4.196	0	6.450
1.1	Chi sự nghiệp	12.235	12.235	4.196	0	6.450
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.235	12.235	4.196		6.450
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
2	Hoạt động sx, cung ứng dịch vụ	79.089	79.089	22.804	2.100	26.000
3	Hoạt động sự nghiệp khác	56	56			56
C	Số thu nộp NSNN	10.461	10.461			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	4.305	4.305			
1.1	Lệ phí	1.469	1.469			
1.2	Phí	2.836	2.836			
2	Hoạt động sx, cung ứng dịch vụ	6.156	6.156			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi NSNN	14.301	14.301	0	13.702	0
1	Chi quản lý hành chính					
2	Nghiên cứu khoa học	13.901	13.901	0	13.702	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	199	199	0	0	0
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia					
	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	199	199			

	Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.702	13.702		13.702	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	400	400			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
9	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình thông tấn					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
11	Chi chương trình mục tiêu					

42

